

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 05-3-2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THẠNH, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

2. Bà Trần Thị Năm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01A/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Như H**, sinh năm 1994; Địa chỉ: **Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An**. (có mặt)

2. Bị đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1991; Địa chỉ: **Ấp D, xã H, huyện T, tỉnh Long An**. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/11/2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn **Phạm Như H** trình bày tóm tắt như sau: Chị **H** và anh **Trần Thanh P** tự quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Đồng Tháp** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2012, số 77/2014. Vợ chồng có 01 con chung tên **Trần Thị Ngân K**, sinh ngày 28/10/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng khoảng 02 năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai bên đã không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2023 cho đến nay. Nhận thấy

tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị **H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh **P**. Về con chung, khi ly hôn, chị **H** đồng ý để anh **P** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị **H** không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **H** xác định hai bên không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh **Trần Thanh P** thể hiện yêu cầu ly hôn cũng như về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của chị **H**, nhưng anh **P** không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **H**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn là anh **Trần Thanh P** không tham gia phiên họp, không tham gia phiên hòa giải. Nguyên đơn là chị **Phạm Như H** có đơn đề nghị không hòa giải, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Anh **P** đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa mà vắng vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân giữa các bên, thấy rằng: Chị **Phạm Như H** và anh **Trần Thanh P** chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **T**, tỉnh **Đồng Tháp** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/9/2012, số 77/2014, nên quan hệ hôn nhân của chị **H** và anh **P** là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký kết hôn.

[2.2] Xét yêu cầu ly hôn của chị **H** thấy rằng: Chị **H** xác định vợ chồng đã có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai bên đã không còn sống chung từ tháng 3/2023 cho đến nay, nên mới khởi kiện xin ly hôn với anh **P**. Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn là anh **Trần Thanh P** thể hiện yêu cầu ly hôn của chị **H**, nhưng anh **P** không có ý kiến trình bày nào gửi cho Tòa án thể hiện sự phản đối yêu cầu khởi kiện của chị **H**. Điều đó cho thấy, mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị **H** đối với anh **P**.

[2.3] Về quyền nuôi con chung: Chị **H** xác định chị và anh **P** có 01 con chung tên **Trần Thị Ngân K**, sinh ngày 28/10/2012, hiện đang do anh **P** trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị **H** đồng ý để anh **P** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Cháu **Ngân K** có bản khai thể hiện nguyện vọng là muốn sống chung với cha trong trường hợp cha mẹ ly hôn. Anh **P** cũng không có ý kiến phản đối,

nên Hội đồng xét xử quyết định giao cho anh **P** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Trần Thị Ngân K.**

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con, chia tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 6, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn là chị **Phạm Như H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Bị đơn là anh **Trần Thanh P** không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85, Điều 86 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị **Phạm Như H** được ly hôn với anh **Trần Thanh P.**
2. Về quyền nuôi con chung: Anh **Trần Thanh P** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên **Trần Thị Ngân K**, sinh ngày 28/10/2012.
3. Chị **Phạm Như H** có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp chị **H** lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh **P** có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị **H** theo quy định của pháp luật. Anh **P** cùng các thành viên gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con của chị **H**.
4. Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì chị **H**, anh **P**, người thân thích của cháu **Ngân K**, Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình, Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.
5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị **Phạm Như H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn. Chuyển số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai thu số 0003416 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh sang thi hành án phí, nên chị **H** không phải nộp tiếp.

6. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Tân Thạnh;
- Đương sự;
- UBND xã Tân Kiều;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Văn Khánh